

Số: *153* /2016/NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 13 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán
chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHOÁ XV KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách Nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 256/TTr-UBND ngày 01/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố, ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017, gồm các chương, điều sau:

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2017, năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015.

Đối với các năm còn lại trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các quy định áp dụng



cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Nghị quyết này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị do thành phố quản lý.
2. Các quận, huyện, xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Chương 2

NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017

1. Đảm bảo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị phát triển kinh tế - xã hội; an ninh, quốc phòng trên địa bàn thành phố; ưu tiên bố trí kinh phí cho các lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ, môi trường, y tế và cho địa bàn miền núi - hải đảo.
2. Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương; thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách Nhà nước, phấn đấu giảm dần tỷ lệ chi thường xuyên nhằm cơ cấu lại ngân sách Nhà nước trên cơ sở sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, triệt để thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và thu nhập cho người lao động. Đảm bảo tiết kiệm, giảm chi thường xuyên để tăng chi đầu tư phát triển theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.
3. Góp phần đẩy mạnh đổi mới khu vực sự nghiệp công gắn với lộ trình điều chỉnh giá, phí theo hướng tính đủ chi phí, kết hợp cơ cấu lại ngân sách, đẩy nhanh tiến độ triển khai tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập để giảm mức hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách cho các đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn đảm bảo chính sách an sinh xã hội; đồng thời, khuyến khích xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội.
4. Tiêu chí của định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương được xây dựng trên nguyên tắc rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch, thúc đẩy cải cách hành chính; phù hợp với Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc (TABMIS).

5. Đưa tối đa các khoản chi thường xuyên vào định mức chi quản lý hành chính của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương với yêu cầu hiệu quả, triệt để tiết kiệm; giảm các khoản chi hội nghị, hội thảo, các đoàn đi công tác nước ngoài.

6. Tiếp tục sử dụng tiêu chí dân số làm tiêu chí chính để phân bổ dự toán chi ngân sách; đồng thời căn cứ vào tính chất, đặc điểm của từng lĩnh vực, từng vùng để sử dụng kết hợp các tiêu chí bổ sung phù hợp với thực tế và đặc thù từng địa phương.

7. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2017 được xây dựng trên cơ sở kế thừa những kết quả đã đạt được của hệ thống định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2011 (giai đoạn 2011-2015, kéo dài đến hết năm 2016). Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được áp dụng để tính toán dự toán chi ngân sách năm 2017, đảm bảo kinh phí thực hiện các chế độ chính sách đã ban hành đến 31/5/2016 và nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ tiền lương theo mức lương cơ sở là 1.210.000 đồng/tháng.

8. Đảm bảo định mức mới phân bổ cho các đơn vị, địa phương không thấp hơn dự toán chi ngân sách năm 2016, có mức tăng hợp lý so với giai đoạn trước; đồng thời phải đảm bảo phù hợp với tốc độ tăng thu ngân sách hàng năm và khả năng cân đối ngân sách địa phương.

Điều 4. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017

1. Tiêu chí:

1.1. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2017 tiếp tục sử dụng tiêu chí dân số là tiêu chí chính. Dân số của các quận, huyện được xác định theo số liệu dân số do Cục Thống kê thành phố Hải Phòng cung cấp.

1.2. Ngoài ra, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên được xác định theo các tiêu chí bổ sung:

- Tiêu chí số biên chế được Ủy ban nhân dân thành phố giao, là cơ sở để tính lương, phụ cấp, các khoản đóng góp và chi nghiệp vụ trong tổng chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị.

- Tiêu chí số đơn vị hành chính (số xã, phường, thị trấn) và loại đơn vị hành chính (xã loại 1, loại 2, loại 3; xã trọng điểm).

- Tiêu chí căn cứ trên nhiệm vụ đặc thù của từng địa phương:

+ Nhiệm vụ về môi trường đối với các quận, huyện có khu, cụm công

nghiệp; khu, điểm du lịch.

+ Nhiệm vụ về văn hóa, xã hội đối với các quận, huyện có khu di tích lịch sử văn hóa; lễ hội; khu, điểm du lịch.

+ Nhiệm vụ liên quan đến ngành, nghề, lĩnh vực đặc thù.

2. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017:

Bao gồm tất cả các lĩnh vực được phân cấp nhiệm vụ chi cho các cấp ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và được HĐND thành phố quyết định theo phân cấp. Cụ thể:

- Định mức phân bổ chi thường xuyên đối với các cơ quan, đơn vị do thành phố quản lý bao gồm: định mức chi quản lý hành chính Nhà nước, định mức chi thường xuyên hoạt động sự nghiệp: Giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá - thông tin, thể dục thể thao, khoa học công nghệ, đảm bảo xã hội, kinh tế, môi trường và quốc phòng - an ninh.

- Định mức phân bổ chi thường xuyên đối với ngân sách các quận, huyện trong các lĩnh vực: chi quản lý hành chính Nhà nước, chi thường xuyên hoạt động sự nghiệp: Giáo dục, đào tạo, y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình, trẻ em, văn hoá - thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền thanh, đảm bảo xã hội, kinh tế, môi trường và quốc phòng - an ninh.

- Định mức phân bổ chi thường xuyên đối với ngân sách các xã, phường, thị trấn trong các lĩnh vực: chi quản lý hành chính, chi thường xuyên hoạt động sự nghiệp: Giáo dục, văn hoá - thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền thanh, đảm bảo xã hội, quốc phòng - an ninh, môi trường, kinh tế (*quy định chi tiết kèm theo*)

Chương 3

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

1. Tổ chức và chỉ đạo các cấp, các ngành, các đơn vị và các địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Trong trường hợp sửa đổi hoặc bổ sung các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 ngoài các quy định tại Nghị quyết này thì Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố (hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố) xem xét, quyết định.

4. Ban hành văn bản quy định chi tiết thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017 - 2020 theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015.

Điều 7. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố, Hội đồng nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Khóa XV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016. /*lv*

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, CP;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- Đoàn ĐBQH Hải Phòng;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- UBMTTQVN TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP khoá XV;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- VP: TU, HĐND, UBND TP;
- Công báo HP, Cổng ITDT TP;
- Các Huyện, Quận uỷ;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.



CHỦ TỊCH

Lê Văn Thành

QUY ĐỊNH
ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2017

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 153/2016/NQ-HĐND, ngày 13/12/2016
của Hội đồng nhân dân thành phố)*

Chương I

**ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA CÁC
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ DO THÀNH PHỐ QUẢN LÝ**

Điều 1. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể

1. Định mức cụ thể theo mô hình hoạt động và quy mô biên chế của các cơ quan hành chính, Đảng và đoàn thể như sau:

Đơn vị: Triệu đồng/biên chế/năm

Nội dung	Định mức phân bổ năm 2017
1.1. Cơ quan quản lý hành chính: - Dưới 50 biên chế: - Từ 50 biên chế đến dưới 100 biên chế: - Từ 100 biên chế đến trở lên:	 37 34 31
1.2. Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố:	62
1.3. Ban Tổ chức Thành ủy, Ban Tuyên giáo Thành ủy, Ban Dân vận Thành ủy, Ban Nội chính Thành ủy, Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:	47
1.4. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội:	40
1.5. Các tổ chức đoàn thể khác:	34

* Định mức phân bổ trên bao gồm các nhóm nội dung chi sau:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên bộ máy các cơ quan (đã bao gồm tiền thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị phí, đoàn ra, đoàn vào, văn phòng phẩm, điện, nước, xăng dầu,...).

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm (đã bao gồm chi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn; chi quản lý ngành, lĩnh vực; chi thực hiện chỉ đạo, kiểm tra; chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật,...).

- Các khoản kinh phí mua sắm công cụ, dụng cụ; kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản.

* Định mức phân bổ trên không bao gồm các nhóm nội dung chi sau:

- Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất tiền lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tính theo quy định hiện hành.

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt của từng cơ quan, đơn vị; chi hoạt động của các Ban Chỉ đạo.

- Các khoản chi mua sắm, sửa chữa lớn trụ sở theo khả năng cân đối ngân sách.

- Chi hỗ trợ để đảm bảo bổ sung thu nhập một lần lương đối với 03 văn phòng: Văn phòng Thành ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Đối với chi chuyên môn nghiệp vụ, các chế độ, mức chi phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân thực hiện theo các quy định hiện hành.

3. Sở Nội vụ có trách nhiệm thông báo với Sở Tài chính số biên chế công chức, số người làm việc của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và dự kiến biên chế công chức hành chính, số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương ngân sách của năm sau theo Đề án Biên chế công chức hành chính, số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập trình Hội đồng nhân dân thành phố, làm cơ sở xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm kế hoạch trước ngày 15/9 năm trước.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội bao gồm: Hội cựu chiến binh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh: được áp dụng định mức chi tại khoản 1 Điều này, căn cứ trên cơ sở biên chế và các nhiệm vụ chi đặc thù của các cơ quan này để tính dự toán ngân sách.

Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác: được ngân sách hỗ trợ kinh phí căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ được thành phố giao, tuân thủ theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

1. Định mức chi sự nghiệp giáo dục áp dụng cho các trường phổ thông trung học và các trường chuyên biệt, trường điểm do thành phố quản lý:

Định mức phân bổ theo quỹ lương và chi khác:

- Tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 82%.

- Tỷ lệ chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương đảm bảo tối thiểu 18%.

- Riêng các trường phổ thông trung học thuộc huyện đảo Cát Hải tỷ lệ tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa là 78% và chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương đảm bảo tối thiểu 22%.

Định mức phân bổ bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ; mua sắm, cải tạo, sửa chữa nhỏ thường xuyên; Không bao gồm các nội dung chi sau: Kinh phí miễn, giảm học phí theo quy định, kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù (thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân thành phố giao...)

2. Đối với các trường trung học phổ thông ngoài công lập:

- Ngân sách thành phố thực hiện cấp bù học phí cho các đối tượng được miễn, giảm học phí theo số lượng người học thực tế và mức thu học phí (theo mức học phí của các trường công lập). Đối tượng được miễn giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021, các trường chịu trách nhiệm công khai chế độ và đảm bảo việc thực hiện miễn, giảm học phí theo đúng quy định.

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách, liên Sở: Tài chính - Giáo dục và Đào tạo, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trong dự toán hàng năm trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định về hỗ trợ nâng cao năng lực dạy học tại các trường ngoài công lập trong dự toán ngân sách hàng năm.

Điều 3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

- Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị trên cơ sở yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ nguồn thu phí của mình để dành nguồn ưu tiên bố trí cho những đơn vị có nguồn thu hạn chế, hoạt động chủ yếu bằng nguồn ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp có số thu nhỏ, chiếm dưới 10% tổng dự toán chi theo chế độ: Ngân sách cấp kinh phí bổ sung chi thường xuyên tối đa theo định mức 85 triệu đồng/biên chế/năm (đã bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng), trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu - chi của đơn vị theo chế độ.

+ Đối với các đơn vị sự nghiệp có số thu chiếm trên 10% tổng dự toán chi theo chế độ: căn cứ lộ trình điều chỉnh mức học phí trong lĩnh vực đào tạo theo quy định hiện hành để xác định mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị này.

Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính phối hợp với Sở chủ quản, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định về số kinh phí bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

- Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ.

- Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị thuộc sự nghiệp đào tạo không bao gồm các khoản chi sau: Phụ cấp ưu đãi ngành, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù (thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân thành phố giao...); Kinh phí thực hiện đào tạo lại, kinh phí phổ cập nghề, kinh phí đào tạo nghề cho lao động nông thôn... Đối với các trường đào tạo hoạt động mang tính chất khu vực được bổ sung thêm kinh phí để thực hiện công tác đào tạo. Mức hỗ trợ cụ thể được căn cứ vào mức hỗ trợ của Trung ương và tình hình thực tế hoạt động của đơn vị để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định trong phương án phân bổ chi ngân sách địa phương hàng năm.

- Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị sự nghiệp mới hoặc mở rộng quy mô, nội dung hoạt động: Căn cứ Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài chính phối hợp với Sở chủ quản thảo luận cụ thể kinh phí tăng thêm trên cơ sở quy mô, khả năng thu, mức chi và chức

năng, nhiệm vụ cụ thể của đơn vị trong các kỳ thảo luận dự toán ngân sách hàng năm để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

Điều 4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

- Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị trên cơ sở yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ nguồn thu phí của mình để dành nguồn ưu tiên bố trí cho những đơn vị có nguồn thu hạn chế, hoạt động chủ yếu bằng nguồn ngân sách Nhà nước, cụ thể:

+ Đối với các bệnh viện tuyến thành phố, bệnh viện tuyến huyện: căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định thống nhất về giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế giữa các bệnh viện cùng hạng trên toàn quốc; căn cứ lộ trình thực hiện giá dịch vụ bao gồm chi phí trực tiếp, phụ cấp đặc thù và tiền lương để xác định mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị này.

Căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, Liên Sở: Tài chính - Y tế, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định về số kinh phí bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

+ Đối với Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ, các Trung tâm y tế, trạm y tế, các Trung tâm chuyên khoa,....:

Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Ngân sách Nhà nước cấp kinh phí bổ sung chi thường xuyên tối đa theo định mức 85 triệu đồng/biên chế/năm (đã bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng), trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu - chi của đơn vị theo chế độ.

- Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ.

- Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị thuộc sự nghiệp y tế không bao gồm các nội dung chi sau: Phụ cấp ưu đãi ngành, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù (thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân thành phố giao...); Các hoạt động về y tế dự phòng, dân số - kế hoạch hóa gia đình, an toàn vệ sinh thực phẩm,... căn cứ chương trình, đề án được duyệt và khả năng cân đối ngân sách địa phương để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định trong phương án phân bổ chi ngân sách hàng năm.

- Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị sự nghiệp mới hoặc mở rộng quy mô, nội dung hoạt động: Căn cứ Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài chính phối hợp với Sở chủ quản thảo luận cụ thể kinh phí tăng thêm trên cơ sở quy mô, khả năng thu, mức chi và chức năng, nhiệm vụ cụ thể của đơn vị trong các kỳ thảo luận dự toán ngân sách hàng năm để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

Điều 5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hoá - thông tin

- Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị trên cơ sở yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ nguồn thu phí của mình để dành nguồn ưu tiên bố trí cho những đơn vị có nguồn thu hạn chế, hoạt động chủ yếu bằng nguồn ngân sách Nhà nước. Ngân sách Nhà nước cấp kinh phí bổ sung chi thường xuyên tối đa theo định mức 85 triệu đồng/biên chế/năm (đã bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng), trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu - chi của đơn vị theo chế độ.

- Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ.

- Kinh phí giao tự chủ đối với sự nghiệp văn hoá - thông tin không bao gồm các nội dung chi sau: Phụ cấp ưu đãi ngành, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù (thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân thành phố giao...); kinh phí hỗ trợ chiếu phim ngoại thành, thông tin lưu động, hỗ trợ sáng tác tác phẩm văn học, nghệ thuật và các nhiệm vụ đặc thù khác.

- Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị sự nghiệp mới hoặc mở rộng quy mô, nội dung hoạt động: Căn cứ Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài chính phối hợp với Sở chủ quản thảo luận cụ thể kinh phí tăng thêm trên cơ sở quy mô, khả năng thu, mức chi và chức năng, nhiệm vụ cụ thể của đơn vị trong các kỳ thảo luận dự toán ngân sách hàng năm để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

Điều 6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục - thể thao

- Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Mức kinh phí ngân sách cấp chi thường xuyên hàng năm cho các đơn vị trên cơ sở yêu cầu các đơn vị phấn đấu nâng mức tự trang trải nhu cầu chi từ

nguồn thu phí của mình để dành nguồn ưu tiên bố trí cho những đơn vị có nguồn thu hạn chế, hoạt động chủ yếu bằng nguồn ngân sách Nhà nước. Ngân sách Nhà nước cấp kinh phí bổ sung chi thường xuyên tối đa theo định mức 85 triệu đồng/biên chế/năm (đã bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng), trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu - chi của đơn vị theo chế độ.

Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ.

Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị khối sự nghiệp thể dục thể thao không bao gồm các nội dung chi sau: Phụ cấp ưu đãi ngành, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù (thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân thành phố giao...); kinh phí đào tạo vận động viên; kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng cho vận động viên.

- Mức hỗ trợ từ ngân sách để đảm bảo các nội dung trên được căn cứ vào khả năng ngân sách, tình hình thực tế hoạt động của đơn vị để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định trong dự toán chi ngân sách địa phương hàng năm.

- Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị sự nghiệp mới hoặc mở rộng quy mô, nội dung hoạt động: Căn cứ Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Sở Tài chính phối hợp với Sở chủ quản thảo luận cụ thể kinh phí tăng thêm trên cơ sở quy mô, khả năng thu, mức chi và chức năng, nhiệm vụ cụ thể của đơn vị trong các kỳ thảo luận dự toán ngân sách hàng năm để trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

Điều 7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ

- Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Ngân sách cấp kinh phí bổ sung chi thường xuyên tối đa theo định mức 85 triệu đồng/biên chế/năm (đã bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng), trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu - chi của đơn vị theo chế độ.

Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ; Không bao gồm các khoản chi: Phụ cấp ưu đãi ngành, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù (thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân thành phố giao...).

- Kinh phí chi cho công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học được căn cứ vào các đề án, đề tài nghiên cứu khoa học đã được cấp có thẩm quyền duyệt và tổng mức chi theo hướng dẫn của Trung ương và khả năng bố trí của ngân sách địa phương cho sự nghiệp khoa học trên toàn địa bàn trừ đi kinh phí đã phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp theo quy định tại ý thứ nhất, mục 7, phần I văn bản này.

- Trường hợp được cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập các đơn vị nghiên cứu khoa học mới hoặc mở rộng quy mô: Căn cứ Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các cơ quan liên quan sẽ thảo luận cụ thể kinh phí tăng thêm trên cơ sở quy mô, khả năng thu, mức chi và chức năng, nhiệm vụ cụ thể của đơn vị để xác định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động thường xuyên theo số biên chế hiện có mặt trong thời gian đầu; thời gian hỗ trợ theo quy định của Chính phủ.

Điều 8. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội

- Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu: Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Ngân sách Nhà nước cấp kinh phí bổ sung chi thường xuyên tối đa theo định mức 85 triệu đồng/biên chế/năm (đã bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng), trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu - chi của đơn vị theo chế độ.

Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ; Không bao gồm các khoản chi: Phụ cấp ưu đãi ngành, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù (thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân thành phố giao...).

- Đối với các đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực đặc thù như: bảo trợ xã hội, cơ sở nuôi dưỡng tập trung,...: Ngân sách Nhà nước bổ sung kinh phí chi chế độ chính sách cho đối tượng, chi phí điện, nước,... và các chế độ chính sách đặc thù cho người lao động (chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương; các khoản chi đặc thù cho người lao động, tiền ăn của đối tượng...).

- Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo quy định tại Nghị định 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội, các chế độ chính sách an sinh xã hội của thành phố như chính sách cho người nghèo, người cao tuổi theo tiêu chuẩn của địa phương được đảm bảo theo quy định. Kinh phí thực hiện các chương trình an sinh và mục tiêu xã hội khác của thành phố bố trí theo nhiệm vụ được giao, phù hợp khả năng của ngân sách địa phương.

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

1. Khối nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, địa chính:

- Đối với các đơn vị sự nghiệp có thu: Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Ngân sách Nhà nước cấp kinh phí bổ sung chi thường xuyên tối đa theo định mức 85 triệu đồng/biên chế/năm (đã bao gồm tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng), trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu - chi của đơn vị theo chế độ.

Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ; Không bao gồm các khoản chi: phụ cấp ưu đãi ngành, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù (thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân thành phố giao...).

- Kinh phí ngân sách hỗ trợ cho một số đối tượng hoạt động không chuyên trách ở cơ sở trong lĩnh vực này như sau:

+ Cán bộ khuyến nông, khuyến ngư áp dụng định mức 60 triệu đồng/người/năm. (Bao gồm chi chế độ cho người lao động và hỗ trợ kinh phí hoạt động).

- Kinh phí thực hiện miễn thu thủy lợi phí được xác định trên diện tích tưới tiêu và được tính toán theo quy định hiện hành.

- Các chương trình phát triển nông nghiệp, thủy sản, thủy lợi, địa chính, trong đó ưu tiên tập trung thực hiện các nội dung và mục tiêu của Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố về nhiệm vụ, giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh, giá trị gia tăng, phát triển bền vững đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã xác định vấn đề tái cơ cấu nông nghiệp Hải Phòng theo hướng phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa, đô thị sinh thái, sản phẩm chất lượng cao, an toàn, nâng cao sức cạnh tranh, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ mới, đặc biệt là công nghệ xanh, thân thiện môi trường: Sở Tài chính phối hợp các Sở chủ quản căn cứ nhiệm vụ được giao, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định trong phương án phân bổ ngân sách thành phố.

2. Khối giao thông, thị chính:

Đối với các đơn vị thực hiện dịch vụ công ích: Mức kinh phí ngân sách cấp theo khối lượng, đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

3. Riêng đối với chi đảm bảo hoạt động của Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại, Du lịch: tính dự toán chi ngân sách trên cơ sở biên chế, định mức và các nhiệm vụ theo cơ chế đặc thù.

Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường

- Đối với các đơn vị thực hiện dịch vụ công ích: Mức kinh phí ngân sách cấp theo khối lượng, đơn giá được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với khả năng cân đối ngân sách.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp khác: Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Ngân sách Nhà nước cấp kinh phí bổ sung chi thường xuyên tối đa theo định mức 85 triệu đồng/biên chế/năm (đã bao gồm tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng), trên nguyên tắc xác định tổng dự toán thu - chi của đơn vị theo chế độ.

Kinh phí giao tự chủ cho các đơn vị bao gồm: tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi chuyên môn nghiệp vụ; Không bao gồm các khoản chi: Phụ cấp ưu đãi ngành, kinh phí chi nghiệp vụ đặc thù (thực hiện các nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân thành phố giao...).

Điều 11. Định mức phân bổ chi an ninh, quốc phòng

- Ngân sách đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh được phân cấp cho ngân sách thành phố theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015; đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ và các chế độ chính sách theo quy định do ngân sách thành phố đảm nhiệm.

- Các khoản chi khác căn cứ vào nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối của ngân sách thành phố.

Chương 2

ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI CÁC QUẬN, HUYỆN, XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN TRÊN ĐỊA BÀN

Điều 1. Định mức phân bổ ngân sách cấp huyện

1. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính:

1.1. Định mức phân bổ chi thường xuyên theo biên chế:

- Khối cơ quan Đảng, đoàn thể:

Đơn vị	Định mức phân bổ (Tổng chi sự nghiệp)
Văn phòng, các Ban	- Tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa là 80%.
	- Chi khác tối thiểu là 20%.

- Khối cơ quan quản lý hành chính nhà nước (bao gồm cả Hội đồng nhân dân):

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên khối cơ quan quản lý hành chính được xác định gồm:

+ Chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp) theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng/tháng.

+ Chi hành chính, nghiệp vụ theo mức tối thiểu 20 triệu đồng/biên chế/năm.

Riêng huyện đảo Cát Hải đảm bảo chi hành chính, nghiệp vụ theo mức tối thiểu 25 triệu đồng/biên chế/năm.

1.2. Định mức phân bổ tiêu chí bổ sung theo đơn vị hành chính cho lĩnh vực chi của các khối Đảng, đoàn thể, quản lý hành chính (bao gồm cả Hội đồng nhân dân):

- Quận Hồng Bàng: 1.800 triệu đồng/quận/năm.

- Quận Lê Chân: 1.800 triệu đồng/quận/năm.

- Quận Ngô Quyền: 1.800 triệu đồng/quận/năm.

- Quận Kiến An: 1.800 triệu đồng/quận/năm.

- Quận Hải An: 1.600 triệu đồng/quận/năm.

- Quận Dương Kinh: 1.600 triệu đồng/quận/năm.

- Quận Đồ Sơn: 1.600 triệu đồng/quận/năm.

- Huyện đảo Cát Hải: 2.200 triệu đồng/huyện/năm.

- Huyện Thủy Nguyên: 2.200 triệu đồng/huyện/năm.

- Huyện Vĩnh Bảo: 2.200 triệu đồng/huyện/năm.

- Huyện An Dương: 2.000 triệu đồng/huyện/năm
- Huyện Tiên Lãng: 2.000 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện An Lão: 2.000 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Kiến Thụy: 2.000 triệu đồng/huyện/năm.

1.3 Phòng Nội vụ có trách nhiệm thông báo với Phòng Tài chính - Kế hoạch số biên chế, công chức, số người làm việc trong năm của các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền giao làm cơ sở xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm trước ngày 15/9 năm trước.

2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục:

2.1. Định mức phân bổ theo quỹ lương và chi khác:

Đơn vị	Định mức phân bổ (Tổng chi sự nghiệp)
Các trường THCS, Tiểu học, Mầm non	- Tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 82%.
	- Tỷ lệ chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương đảm bảo tối thiểu 18%.

Riêng huyện đảo Cát Hải tỷ lệ tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa là 78% và chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương đảm bảo tối thiểu 22%.

Định mức trên bao gồm: chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ bản 1.210.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi nghiệp vụ chuyên môn; mua sắm, cải tạo, sửa chữa nhỏ thường xuyên.

2.2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

- Huyện Vĩnh Bảo: 500 triệu đồng/đơn vị/năm.
- Huyện Thủy Nguyên: 500 triệu đồng/đơn vị/năm.
- Huyện Cát Hải: 500 triệu đồng/đơn vị/năm.
- Huyện Tiên Lãng: 400 triệu đồng/đơn vị/năm.
- Huyện An Lão: 400 triệu đồng/đơn vị/năm.

- Huyện Kiến Thụy: 400 triệu đồng/đơn vị/năm.
- Huyện An Dương: 400 triệu đồng/đơn vị/năm.
- Quận Hồng Bàng: 400 triệu đồng/đơn vị/năm.
- Quận Ngô Quyền: 400 triệu đồng/đơn vị/năm.
- Quận Lê Chân: 400 triệu đồng/đơn vị/năm.
- Quận Hải An: 400 triệu đồng/đơn vị/năm.
- Quận Kiến An: 400 triệu đồng/đơn vị/năm.
- Quận Dương Kinh: 400 triệu đồng/đơn vị/năm.
- Quận Đồ Sơn: 400 triệu đồng/đơn vị/năm.

2.3. Định mức chưa bao gồm một số chế độ chính sách được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, bao gồm:

- Kinh phí miễn, giảm học phí theo quy định.
- Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi.
- Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật.
- Kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế tự nguyện cho giáo viên mầm non có thời gian công tác trước năm 1995 ... theo Quyết định 45/2011/QĐ-TTg.
- Kinh phí hỗ trợ mầm non trong khu công nghiệp theo Quyết định số 404/QĐ-TTg về hỗ trợ phát triển nhóm trẻ độc lập tư thục ở khu vực khu công nghiệp, khu chế xuất đến năm 2020 theo (Đề án 404).

3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề:

3.1. Định mức phân bổ chi theo quỹ lương và chi khác:

3.1.1. Khối các Trung tâm Dạy nghề và Giáo dục thường xuyên:

Đơn vị	Định mức phân bổ (Tổng chi sự nghiệp)
Các Trung tâm Dạy nghề và Giáo dục thường xuyên	- Tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 85%.
	- Tỷ lệ chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương đảm bảo tối thiểu 15%.

- Riêng huyện đảo Cát Hải tỷ lệ tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa là 80% và chi khác tối thiểu là 20%.

- Định mức trên bao gồm: chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ bản 1.210.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi nghiệp vụ chuyên môn.

3.1.2. Khối các Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị:

Đơn vị	Định mức phân bổ (Tổng chi sự nghiệp)
Các Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	- Tỷ lệ chi tiền lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) tối đa 80%.
	- Tỷ lệ chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục không kể chi tiền lương và các khoản có tính chất lương đảm bảo tối thiểu 20%.

- Riêng huyện đảo Cát Hải tỷ lệ tổng quỹ lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương tối đa là 78% và chi khác tối thiểu là 22%.

- Định mức trên bao gồm: chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ bản 1.210.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi nghiệp vụ chuyên môn.

3.2. Kinh phí đào tạo được phân bổ theo chương trình đào tạo của thành phố.

4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và Kế hoạch hóa gia đình:

4.1. Định mức phân bổ chi theo biên chế khối các Trung tâm Dân số và Kế hoạch hóa gia đình:

- Khối các Trung tâm Dân số và Kế hoạch hóa gia đình: 80 triệu đồng/biên chế/năm.

Định mức trên bao gồm: chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo mức lương cơ bản 1.210.000 đồng/tháng, chi phí quản lý hành chính, chi nghiệp vụ chuyên môn. Trường hợp tỷ lệ chi lương lớn, ngân sách bổ sung và đảm bảo mức chi hành chính, nghiệp vụ (không kể chi lương và các khoản có tính chất lương) theo mức tối thiểu 18 triệu đồng/biên chế/năm.

4.2. Định mức phân bổ theo tiêu chí bổ sung:

Các nhiệm vụ về y tế, dân số, gia đình, trẻ em theo phân cấp cho quận, huyện: 100 triệu đồng/quận, huyện/ năm.

4.3. Các chương trình về nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe ban đầu, y tế dự phòng,... thực hiện theo chương trình, đề án được duyệt.

5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền thanh:

Nội dung	Định mức phân bổ năm 2017
5.1. Sự nghiệp văn hóa, thông tin:	
a) Phân bổ theo dân số:	
+ Quận Hồng Bàng:	6.000 đồng/người/năm
+ Quận Lê Chân:	6.000 đồng/người/năm
+ Quận Ngô Quyền:	6.000 đồng/người/năm
+ Quận Hải An:	8.200 đồng/người/năm
+ Quận Dương Kinh:	8.200 đồng/người/năm
+ Quận Kiến An:	8.200 đồng/người/năm
+ Quận Đồ Sơn:	8.200 đồng/người/năm
+ Huyện đảo Cát Hải:	16.200 đồng/người/năm
+ Huyện Thủy Nguyên:	6.500 đồng/người/năm
+ Huyện Vĩnh Bảo:	6.500 đồng/người/năm
+ Huyện Tiên Lãng:	6.500 đồng/người/năm
+ Huyện An Lão:	6.500 đồng/người/năm
+ Huyện Kiến Thụy:	6.500 đồng/người/năm
+ Huyện An Dương:	6.500 đồng/người/năm
Đối với các quận Đồ Sơn, Dương Kinh được phân bổ thêm 20% so với định mức nêu trên.	
Trường hợp tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương lớn, ngân sách bổ sung và đảm bảo chi nghiệp vụ tối thiểu là 140 triệu đồng/đơn vị/năm.	
b) Tiêu chí bổ sung:	
- Chi cho các Đội thông tin lưu động:	

Nội dung	Định mức phân bổ năm 2017
+ Quận Hồng Bàng:	150 triệu đồng/đội/năm
+ Quận Lê Chân:	150 triệu đồng/đội/năm
+ Quận Ngô Quyền:	150 triệu đồng/đội/năm
+ Quận Hải An:	150 triệu đồng/đội/năm
+ Quận Kiến An:	150 triệu đồng/đội/năm
+ Quận Đồ Sơn:	150 triệu đồng/đội/năm
+ Quận Dương Kinh:	150 triệu đồng/đội/năm
+ Huyện Tiên Lãng:	220 triệu đồng/đội/năm
+ Huyện An Lão:	220 triệu đồng/đội/năm
+ Huyện Kiến Thụy:	220 triệu đồng/đội/năm
+ Huyện An Dương:	220 triệu đồng/đội/năm
+ Huyện đảo Cát Hải:	300 triệu đồng/đội/năm
+ Huyện Thủy Nguyên	300 triệu đồng/đội/năm
+ Huyện Vĩnh Bảo:	300 triệu đồng/đội/năm
- Huyện Cát Hải (có khu du lịch quốc gia theo Quyết định số 201/QĐ-TTg ngày 22/01/2013)	<u>Cân đối hỗ trợ khi có định mức của trung ương</u>
5.2. Sự nghiệp thể dục thể thao:	
- Phân bổ theo dân số:	
+ Quận Hồng Bàng:	5.100 đồng/người/năm
+ Quận Lê Chân:	5.100 đồng/người/năm
+ Quận Ngô Quyền:	5.100 đồng/người/năm
+ Quận Hải An:	6.100 đồng/người/năm
+ Quận Dương Kinh:	6.100 đồng/người/năm
+ Quận Kiến An:	6.100 đồng/người/năm
+ Quận Đồ Sơn:	6.100 đồng/người/năm
+ Huyện đảo Cát Hải:	11.900 đồng/người/năm
+ Huyện Vĩnh Bảo:	5.100 đồng/người/năm
+ Huyện Tiên Lãng:	5.100 đồng/người/năm
+ Huyện An Lão:	5.100 đồng/người/năm

Nội dung	Định mức phân bổ năm 2017
+ Huyện Kiến Thụy: + Huyện An Dương: + Huyện Thủy Nguyên:	5.100 đồng/người/năm 5.100 đồng/người/năm 5.100 đồng/người/năm
Trường hợp tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương lớn, ngân sách bổ sung và đảm bảo chi nghiệp vụ tối thiểu là 140 triệu đồng/đơn vị/năm.	
5.3. Sự nghiệp phát thanh, truyền thanh:	
- Phân bổ theo đơn vị đài:	
+ Quận Hải An:	450 triệu đồng/năm
+ Quận Kiến An:	450 triệu đồng/năm
+ Quận Đồ Sơn:	450 triệu đồng/năm
+ Huyện đảo Cát Hải:	850 triệu đồng/năm
+ Huyện Thủy Nguyên:	600 triệu đồng/năm
+ Huyện Vĩnh Bảo:	600 triệu đồng/năm
+ Huyện Tiên Lãng:	510 triệu đồng/năm
+ Huyện An Lão:	510 triệu đồng/năm
+ Huyện Kiến Thụy:	510 triệu đồng/năm
+ Huyện An Dương:	510 triệu đồng/năm
- Phân bổ theo cụm đài lẻ tiếp sóng cho các vùng lõm, vùng núi:	250 triệu đồng/năm
- Trường hợp tỷ lệ chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương lớn, ngân sách bổ sung đảm bảo chi nghiệp vụ tối thiểu là 140 triệu đồng/quận, huyện/năm (riêng cụm đài lẻ tiếp sóng cho các vùng lõm, vùng núi là 200 triệu đồng/ quận, huyện /năm, huyện Cát Hải là 250 triệu đồng/ quận, huyện /năm).	

6. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội:

6.1. Định mức chi cho công tác khen thưởng, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, kinh phí tặng quà cho các đối tượng chính sách...:

- Quận Hồng Bàng: 1.500 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Lê Chân: 1.500 triệu đồng/quận/năm.

- Quận Ngô Quyền: 1.500 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Hải An: 1.200 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Dương Kinh: 1.200 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Kiến An: 1.200 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Đồ Sơn: 1.200 triệu đồng/quận/năm.
- Huyện Thủy Nguyên: 2.000 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Vĩnh Bảo: 2.000 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Kiến Thụy: 1.500 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Tiên Lãng: 1.500 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện An Lão: 1.500 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện An Dương: 1.500 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Cát Hải: 1.500 triệu đồng/huyện/năm.

6.2. Kinh phí thực hiện các chính sách bảo trợ xã hội, chương trình an sinh và mục tiêu xã hội khác bố trí theo nhiệm vụ được phân cấp.

7. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế:

7.1. Định mức phân bổ chi thường xuyên cho các nhiệm vụ phát triển nông, lâm, thủy lợi, thủy sản, địa chính, công tác phòng chống lụt bão:

- Quận Hồng Bàng: 500 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Lê Chân: 500 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Ngô Quyền: 500 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Dương Kinh: 500 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Hải An: 1.200 triệu đồng/quận/năm
- Quận Kiến An (gồm cả Ban Quản lý công viên rừng Thiên văn): 1.000 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Đồ Sơn (gồm cả Đội Cấp cứu biển thuộc Trung tâm dịch vụ và Phát triển du lịch): 1.200 triệu đồng/quận/năm.
- Huyện Thủy Nguyên: 1.500 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Vĩnh Bảo: 1.500 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Cát Hải (gồm cả Trạm khuyến Nông - lâm - ngư nghiệp): 2.000 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Tiên Lãng: 1.200 triệu đồng/huyện/năm.

- Huyện An Dương: 1.200 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện An Lão: 1.200 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Kiến Thụy: 1.200 triệu đồng/huyện/năm.

7.2. Định mức phân bổ chi thường xuyên cho nhiệm vụ quản lý đô thị và đảm bảo an toàn giao thông:

- Quận Hồng Bàng: 1.200 triệu đồng/huyện/năm.
- Quận Ngô Quyền: 1.200 triệu đồng/huyện/năm.
- Quận Lê Chân: 1.200 triệu đồng/huyện/năm.
- Quận Kiến An: 1.200 triệu đồng/huyện/năm.
- Quận Hải An: 1.200 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Đồ Sơn: 800 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Dương Kinh: 800 triệu đồng/quận/năm.
- Huyện Thủy Nguyên: 1.500 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Vĩnh Bảo: 1.500 triệu đồng/huyện/năm:
- Huyện Cát Hải: 1.500 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Tiên Lãng: 1.000 triệu đồng/huyện/năm:
- Huyện An Lão: 1.000 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Kiến Thụy: 1.000 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện An Dương: 1.000 triệu đồng/huyện/năm.

Kinh phí thực hiện thí điểm mô hình Tổ quản lý đô thị phường: ngân sách thành phố bổ sung thực hiện theo quy định hiện hành.

7.3. Định mức phân bổ chi thường xuyên cho nhiệm vụ đảm bảo công tác duy tu, bảo dưỡng đường bộ:

- Huyện Thủy Nguyên: 1.500 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Vĩnh Bảo: 1.500 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Cát Hải: 1.500 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Tiên Lãng: 1.200 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện An Lão: 1.200 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Kiến Thụy: 1.200 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện An Dương: 1.200 triệu đồng/huyện/năm.

7.4. Các nội dung và nhiệm vụ chi khác (phụ cấp cho cán bộ thú y xã, Chương trình nạo vét nội đồng, cấp bù thủy lợi phí...) thực hiện theo quy định hiện hành và chương trình của thành phố, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của thành phố.

8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

8.1. Định mức chi thường xuyên phân bổ theo đơn vị quận, huyện:

- Quận Hồng Bàng: 200 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Ngô Quyền: 200 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Lê Chân: 200 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Kiến An: 200 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Dương Kinh: 600 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Đồ Sơn: 600 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Hải An: 800 triệu đồng/năm.
- Huyện Tiên Lãng: 1.400 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện An Lão: 1.400 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Kiến Thụy: 1.400 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện An Dương: 1.400 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Thủy Nguyên: 2.000 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Vĩnh Bảo: 2.000 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Cát Hải: 2.000 triệu đồng/huyện/năm.

8.2. Đối với một số địa bàn tập trung các khu, cụm công nghiệp, khu vực có khai thác khoáng sản; các quận, huyện được thành phố giao thêm nhiệm vụ: kinh phí vận chuyển rác, kinh phí vận hành lò đốt rác... căn cứ nhiệm vụ, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách, bố trí kinh phí cho các quận, huyện để thực hiện các nhiệm vụ về môi trường.

9. Định mức phân bổ chi an ninh, quốc phòng:

9.1. Định mức phân bổ theo dân số cho các nhiệm vụ an ninh, quốc phòng phân cấp cho quận, huyện bao gồm các chi hỗ trợ cho công tác an ninh, công tác quốc phòng địa phương, tuyển quân:

- Huyện đảo Cát Hải: 25.500 đồng/người/năm.
- Các quận, huyện có dân số dưới 50.000 người: 12.000 đồng/người/năm.

- Các quận, huyện có dân số từ trên 50.000 người đến dưới 100.000 người: 7.800 đồng/người/năm.

- Các quận, huyện có dân số từ 100.000 người trở lên: 6.000 đồng/người/năm.

- Bổ sung nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy: Các quận, huyện: Thủy Nguyên, Kiến An, An Lão, Cát Hải, Đồ Sơn: 500 triệu đồng/đơn vị/năm (bao gồm cả phòng, chống cháy rừng); Các quận, huyện: Hồng Bàng, Ngô Quyền, Lê Chân, Dương Kinh, Hải An, Tiên Lãng, Vĩnh Bảo, Kiến Thụy, An Dương: 300 triệu đồng/đơn vị/năm.

- Bổ sung nhiệm vụ chỉ giáo dục quốc phòng và đảm bảo chế độ cho lực lượng dự bị động viên.

9.2. Kinh phí đảm bảo chế độ cho lực lượng dân quân tự vệ do ngân sách thành phố đảm bảo. Các quận, huyện có tổ chức diễn tập phòng thủ được ngân sách thành phố hỗ trợ theo quy mô, tính chất được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách thành phố hàng năm.

10. Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên khác:

- Quận Hồng Bàng: 700 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Ngô Quyền: 700 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Lê Chân: 700 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Đồ Sơn: 700 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Hải An: 500 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Kiến An: 500 triệu đồng/quận/năm.
- Quận Dương Kinh: 500 triệu đồng/quận/năm.
- Huyện Thủy Nguyên: 1.000 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Vĩnh Bảo: 1.000 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Cát Hải: 1.000 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện An Lão: 800 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Kiến Thụy: 800 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện Tiên Lãng: 800 triệu đồng/huyện/năm.
- Huyện An Dương: 800 triệu đồng/huyện/năm.

Điều 2. Định mức phân bổ ngân sách cấp xã

Đơn vị tính: Triệu đồng/xã/năm

Lĩnh vực chi	Phường thuộc quận		Thị trấn	Xã loại III	Xã loại II	Xã loại I	Xã hải đảo
	Hong Bang, Lê Chân, Ngô Quyền	Hải An, Kiến An, Đồ Sơn, Dương Kinh					
<p>1. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể:</p> <p>a) Đảng: Ngân sách phân bổ vào dự toán hàng năm cho công tác chi hoạt động Đảng cơ sở (theo Quyết định 99-QĐ/TW) theo đối tượng thực tế.</p> <p>b) Hội đồng nhân dân: Ngân sách phân bổ dự toán hàng năm căn cứ vào chế độ và định mức chi theo quy định hiện hành.</p> <p>c) Ủy ban nhân dân: 200</p> <p>d) Đoàn thể (Bao gồm chi hỗ trợ hoạt động của 5 tổ chức chính trị - xã hội): 40</p>							
<p>2. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục (Hỗ trợ các Trung tâm học tập cộng đồng...):</p>	30	30	30	30	30	30	30
<p>3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế (Hỗ trợ các nhiệm vụ y tế, y tế dự phòng...):</p>	20	20	20	20	25	30	30
<p>4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hoá thông tin:</p>	30	30	30	30	35	40	40
<p>5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục, thể thao:</p>	20	20	20	20	25	30	30
<p>6. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh truyền thanh:</p>	20	20	20	20	25	30	20
<p>7. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội (Chi thăm hỏi các gia đình chính sách, trợ giúp xã hội, khen thưởng, phong trào toàn dân đoàn kết, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, công tác phòng, chống bạo lực gia đình, tặng quà người cao tuổi...)</p> <p><i>Riêng chế độ trợ cấp hàng tháng</i></p>	120	120	115	85	105	125	90

Lĩnh vực chi	Phường thuộc quận		Thị trấn	Xã loại III	Xã loại II	Xã loại I	Xã hải đảo
	Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền	Hải An, Kiến An, Đồ Sơn, Dương Kinh					
<i>cho cán bộ xã nghỉ việc: Ngân sách thành phố bổ sung theo quy định hiện hành.</i>							
8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế: - Nông, lâm nghiệp, thủy sản (Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, khuyến lâm,...): - Giao thông thị chính (đảm bảo an toàn giao thông, điện chiếu sáng các xã,...): - Địa chính, xây dựng, đô thị - Đối tượng quản lý đê nhân dân: được ngân sách hỗ trợ theo quy định tại Quyết định 684/2011/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố.	10 20 20	20 20 20	20 30 20	30 30 20	40 40 20	50 50 20	40 30 20
9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:	50	50	50	100	120	140	120
10. Định mức phân bổ chi an ninh, quốc phòng: a) An ninh (Chi tuyên truyền, vận động phong trào bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội, phòng cháy chữa cháy...): b) Quốc phòng (Chi cho công tác dân quân tự vệ, đăng ký nghĩa vụ quân sự...):	50 60	40 50	50 60	40 50	50 60	60 70	50 60
11. Chi khác:	30	30	30	30	30	30	40

Định mức trên bao gồm các khoản chi nghiệp vụ chuyên môn, các khoản mua sắm, sửa chữa thường xuyên; kinh phí hỗ trợ hoạt động của các Hội, các hoạt động cơ sở, phong trào...

Định mức không bao gồm:

- Kinh phí chi tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) theo mức lương tối thiểu 1.210.000 đồng/người/tháng.

- Kinh phí Đảng theo Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2015 của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

- Kinh phí thực hiện chế độ đối với cán bộ không chuyên trách theo Nghị quyết số 25/2014/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố.

- Kinh phí thực hiện chế độ cho lực lượng dân quân tự vệ theo Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố.

- Kinh phí phụ cấp trách nhiệm đối với cấp ủy viên các cấp theo Quy định số 169-QĐ/TW ngày 24/6/2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

- Kinh phí tổ chức Đại hội các Đoàn thể theo kế hoạch của thành phố.

- Kinh phí hỗ trợ các xã bị ô nhiễm môi trường do ảnh hưởng của các nhà máy sản xuất công nghiệp trên địa bàn.

Chương III

NGUYÊN TẮC PHÂN LOẠI ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Phân loại đơn vị hành chính cấp xã được xác định trên quy mô dân số, diện tích và các yếu tố đặc thù theo quy định tại Nghị định 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn và Thông tư số 05/2006/TT-BNV ngày 30/5/2006 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn thực hiện một số Điều quy định tại Nghị định số 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ. *ly*



CHỦ TỊCH

Lê Văn Thành